

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/HSST
Ngày 22 – 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Trung: Bác sĩ Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông.
2. Ông Nguyễn Hoài Nam: Bí thư Đoàn thị trấn Krông Kmar.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K. Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm Lưu động vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/HSST-QĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Trần Phương T** (tên gọi khác: C G), sinh ngày 06/5/1991;

Sinh trú quán: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12; Tiền án - Tiền sự: Không;

Nhân thân: **1.** Ngày 25 tháng 02 năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 05/2009/HSST. **2.** Ngày 04 tháng 06 năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 16/2009/HSST. Đến ngày 14/01/2010 chấp hành xong hình phạt.

Con ông: không xác định được, con bà Phún Thị M, sinh năm 1963; Bị cáo

chưa có vợ; Hiện mẹ bị cáo đang làm ăn sinh sống tại thôn N, xã K, huyện B. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2017 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị P L – Trợ giúp viên của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bị hại: Anh Đỗ Văn N, SN 1982; anh Đỗ Văn L, SN 1974. Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Phương T1, SN 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/4/2017, Đỗ Văn N, Đỗ Văn L, Huỳnh Văn A và Bảo L đang ngồi uống bia tại nhà Huỳnh Văn A tại thôn N, xã K, huyện B thì Trần Phương T và Võ Quốc N đến nhà ông A cùng ngồi chơi. Trong quá trình nói chuyện thì N và T xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau, T dùng tay đánh vào mặt N 01 cái, thấy vậy L lấy chiếc ghế nhựa đánh vào người T phía sau lưng, N cũng dùng tay đánh lại T. T bỏ chạy ra đường phía trước nhà ông A thì L và N đuổi theo, hai bên tiếp tục xô xát với nhau, T nhặt 01 cục đá trên đường đánh L nhưng không trúng, lúc này N vừa quay lại đi vào nhà ông A thì bị T cầm cục đá ném trúng vào đầu gây thương tích, L nghe N nói “bị chảy máu ở đầu rồi” nên L đưa N vào nhà ông A, T định tiếp tục xông vào nhà ông A để đánh N và L nhưng ông A đóng cổng lại nên T đi về, N được ông A đưa đi cấp cứu. Trên đường đi về T gặp Trần Phương T1 (em ruột T) và kể lại chuyện mình bị N và L đánh. Đang nói chuyện thì T thấy L đi từ nhà ông A về nên T muốn tiếp tục đánh L, T thấy trên xe T1 có để máy cưa lóc nên T lấy máy cưa cầm đuổi theo L để đánh, thấy vậy T1 chạy theo can ngăn và lấy lại máy cưa. T tiếp tục đuổi theo L thì L bỏ chạy theo hướng về nhà mình, chạy được một đoạn thì L vấp ngã, T xông vào giằng co với L, trong lúc giằng co T nhặt được một cục đá gần đó đánh một cái vào mặt của L gây thương tích, lúc này T1 vào can ngăn thì T giật lấy máy cưa của T1 nỏ máy để hù dọa L thì phần lưỡi máy cưa trúng vào tay trái của L gây thương tích, thấy L bị chảy nhiều máu nên T không đánh nữa, sau đó L đi về nhà và được người nhà đưa đi cấp cứu.

Tại các bản kết luận pháp y thương tích số 665 và 666/PY-TgT ngày 19/5/2017 của trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Đỗ Văn N bị vết thương đầu, nứt sọ

châm, tỷ lệ thương tích 20%, tạm thời 12 tháng. Đỗ Văn L bị đa thương vùng mặt, gãy xương chính mũi 15%, vết thương da tay trái 03 %, tổng tỷ lệ thương tích 18%, tạm thời 12 tháng.

Về vật chứng của vụ án:

- + 01 ghế nhựa màu đỏ bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ;
- + 01 áo thun ngắn tay, màu vàng;
- + 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 07cm x 05cm;
- + 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 09cm x 06cm.
- + 01 máy cưa lóc hiệu STIHL có lam cưa dài 38cm (tính từ thân máy), rộng 7,5cm, không có sên cưa, vỏ máy màu cam.

Tại bản cáo trạng số 21/KSĐT-HS ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Trần Phương T về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 26/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Phương T đã khai nhận: Chiều 21/4/2017 bị cáo cùng với Võ Quốc N đi uống rượu, đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo cùng với Nam đến nhà ông Huỳnh Văn A chơi, tại nhà ông A có anh L, anh N và Bảo N đang uống bia, bị cáo nói chuyện với anh N thì anh N nói lời xúc phạm bị cáo nên bị cáo dùng tay nắm anh N, thì anh L dùng ghế nhựa đánh bị cáo, bị cáo chạy ra đường thì anh N và anh L đuổi theo, sau đó bị cáo lượm được cục đá đánh anh L nhưng không trúng, khi anh N quay đi thì bị cáo ném cục đá trúng vào đầu anh N bị thương, được một lúc sau thì thấy anh L từ nhà ông A đi ra đường nên bị cáo đuổi theo và giằng co với anh L, sau đó lượm được cục đá đánh vào mặt anh L bị chảy máu. Khi em trai bị cáo chạy đến can ngăn có cầm theo cái máy cưa lóc nên bị cáo giật lấy và nổ máy đe dọa thì sên cưa trúng vào tay anh L bị chảy máu. Đối với các vết thương của anh N và anh L là do bị cáo gây ra.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa

14; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, để tuyên bố bị cáo Trần Phương T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phương T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 27/6/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự: Chấp nhận bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp 2.000.000đ tại cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông để bồi thường cho người bị hại và đã bồi thường thêm cho anh N và anh L được 2.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo thỏa thuận bồi thường thêm cho anh N 13.095.979đ, cho anh L 13.172.495đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi cho người bị hại.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 ghế nhựa màu đỏ bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ; 01 áo thun ngắn tay, màu vàng; 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 07cm x 05cm; 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 09cm x 06cm;

Trả lại 01 máy cưa lốc hiệu STIHL có lam cưa dài 38cm (tính từ thân máy), rộng 7,5cm, không có sên cưa, vỏ máy màu cam, cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Phương T1.

Tại phiên tòa bà Trần Thị P L trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Trần Phương T trình bày: tôi đồng ý với tội danh như cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt tôi đề nghị HĐXX xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả là bồi thường thiệt hại cho người bị hại được 4.000.000đ, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên tầm nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là người lao động chính trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, tôi đề nghị HĐXX áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn khung hình phạt.

Kiểm sát viên không đồng ý với ý kiến của Trợ giúp viên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 46; Điều 47 để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt, vì bị cáo bị truy tố theo điểm a, c là 02 tình tiết định khung nhưng chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ là điểm b,

p khoản 1 Điều 46 BLHS, tại phiên tòa người bị hại đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật nên kiểm sát viên không chấp nhận.

Bị cáo Trần Phương T không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; Bị cáo nói lời nói sau cùng xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/4/2017 Trần Phương T đến nhà ông Huỳnh Văn A thì gặp Đỗ Văn N, Đỗ Văn L và Bảo L đang uống bia nên bị cáo cũng cùng uống bia thì xảy ra mâu thuẫn với anh N, bị cáo dùng tay đánh anh N và anh L dùng ghế nhựa đánh bị cáo nên bị cáo chạy ra ngoài đường thì anh L và anh N đuổi theo và xô sát với nhau, bị cáo nhặt một cục đá và ném trúng vào đầu anh N, sau đó thấy anh L trên đường đi về nhà bị cáo đuổi theo và nhặt cục đá đánh vào mặt anh L gây thương tích, bị cáo tiếp tục giật lấy cái máy cưa lốc từ tay Trần Phương T1 là em ruột của bị cáo, bị cáo nổ máy để hù dọa thì phần lưỡi máy cưa trúng vào tay của anh L gây thương tích, làm anh N bị vết thương đầu, nứt sọ chẩm thương tích 20%; làm anh L bị thương vùng mặt và vết thương da tay trái thương tích 18%.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y thương tích cũng như toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được và đánh giá tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn thực tế khách quan. HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Trần Phương T đã thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích cho anh N 20% và anh L 18%, theo quy định tại điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999.

Điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a. Dùng hung khí nguy hiểm;

c. Phạm tội đối với nhiều người.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, được quy định trong bộ luật hình sự năm 2015, mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành nhưng tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn có lợi cho bị cáo, cụ thể:

Điểm a, đ khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm...

đ. Phạm tội đối với 02 người trở lên.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Phương T đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Phương T là người công dân có đầy đủ năng lực để điều khiển và nhận thức hành vi của mình, bị cáo phải nhận thức được rằng việc dùng cục đá và các máy cưa lóc là những hung khí nguy hiểm đánh, đánh vào thân thể người khác thì sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng của họ. Đặc biệt là cái máy cưa lóc khi khởi động máy nổ sẽ đặc biệt nguy hiểm. Thân thể con người là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo hộ nếu ai vi phạm sẽ bị pháp luật xử lý nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo là dùng hung khí nguy hiểm và gây thương tích cho 02 người, đã trực tiếp gây ra thương tật cho thân thể cho thân thể người bị hại Đỗ Văn N và Đỗ Văn L, hành vi của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội cần được pháp luật xử lý nghiêm minh, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương nơi cư trú nói riêng và toàn xã hội nói chung. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 05 ngày 25/02/2009 và xử phạt 01 năm tù tại Bản án số 16 ngày 04/06/2009 đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 14/01/2010 chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích, trong quá trình đi chấp hành án bị cáo cũng đã được giáo dục và tuyên truyền về pháp luật. Lẽ ra bị cáo phải coi đây là bài học để tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người công dân lương thiện, nhưng đến ngày 21/4/2017 bị cáo lại tiếp tục có hành vi gây thương tích cho anh N và anh L. Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ mà bị cáo đã thực hiện để có một bản án đúng người, đúng tội và đúng pháp luật để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ thành phần nông dân, có trình độ học vấn thấp nên tầm nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường tiền thuốc men điều trị và các chi phí hợp lý khác cho người bị hại được 2.000.000đ và giao nộp tại cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông 2.000.000đ để bồi thường cho người bị hại, gia đình thuộc hộ nghèo nên HĐXX cần áp dụng các điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt của bản án để thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo thỏa thuận bồi thường cho người bị hại như sau: Bồi thường anh N số tiền 15.095.979đ gồm các khoản: Tiền thuốc men và viện phí 2.195.979đ; Tiền xe đi nhập viện, xuất viện, đi giám định từ xã K đi thành phố BMT là 3 chuyến x 800.000đ = 2.400.000đ; Tiền công không lao động được trong thời gian nằm viện của người bệnh và người nuôi bệnh là 05 ngày x 150.000đ x 2 người = 1.500.000đ; Tiền công không lao động được sau khi xuất viện là 60 ngày x 150.000đ = 9.000.000đ. Bị cáo bồi thường cho anh Đỗ Văn L số tiền

15.172.495đ gồm các khoản: Tiền thuốc men và viện phí 2.272.495đ; Tiền xe đi nhập viện, xuất viện, đi giám định từ xã K đi thành phố BMT là 3 chuyến x 800.000đ = 2.400.000đ; Tiền công không lao động được trong thời gian nằm viện của người bệnh và người nuôi bệnh là 05 ngày x 150.000đ x 2 người = 1.500.000đ; Tiền công không lao động được sau khi xuất viện là 60 ngày x 150.000đ = 9.000.000đ. Chấp nhận việc bị cáo cùng gia đình đã giao nộp cho cơ quan điều tra để bồi thường cho Đỗ Văn N và Đỗ Văn L với số tiền là 2.000.000đ, số tiền trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông. Bồi thường trực tiếp cho anh N và anh L mỗi người được 1.000.000đ. Bị cáo có thỏa thuận bồi thường thêm cho anh N 13.096.000đ và bồi thường thêm cho anh L 13.172.000đ (lấy tròn số). Việc thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Về vật chứng của vụ án: 01 ghế nhựa màu đỏ bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ; 01 áo thun ngắn tay, màu vàng – không còn giá trị sử dụng; 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 07cm x 05cm; 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 09cm x 06cm – 02 cục đá là công cụ bị cáo dùng để phạm tội nên tiêu hủy.

Một máy cưa lốc hiệu STIHL có lam cưa dài 38cm (tính từ thân máy), rộng 7,5cm không có sên cưa, vỏ máy màu cam, bị cáo sử dụng gây thương tích cho anh L nhưng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Phương T1 không có lỗi nên cần trả lại cho anh T1.

Xét lời bào chữa của bà Trần Thị P L bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được HĐXX chấp nhận. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS không được chấp nhận, bởi lẽ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dùng hung khí nguy hiểm và phạm tội với 02 người nên bị truy tố theo hai tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ, mặt khác bị cáo có nhân thân xấu, tại phiên tòa người bị hại đề nghị xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, do vậy không có căn để áp dụng khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS.

Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án và đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên giữ quyền công tố là phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Trần Phương T phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Phương T 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 27/6/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 609 Bộ luật dân sự, chấp nhận việc bị cáo cùng gia đình đã giao tự nguyện bồi thường cho anh Đỗ Văn N và anh Đỗ Văn L, mỗi người được 1.000.000đ. Nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông để bồi thường cho Đỗ Văn N và Đỗ Văn L với số tiền là 2.000.000đ, số tiền trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả cho anh Đỗ Văn N số tiền 1.000.000đ và trả cho anh Đỗ Văn L số tiền 1.000.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/0002755 ngày 07/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông. Buộc bị cáo Trần Phương T phải bồi thường thêm cho anh Đỗ Văn N 13.096.000đ (*Mười ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) và bồi thường thêm cho anh Đỗ Văn L 13.172.000đ (*Mười ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm Thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 ghế nhựa màu đỏ bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ; 01 áo thun ngắn tay, màu vàng; 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 07cm x 05cm; 01 cục đá, đa cạnh, màu đen, có kích thước 18cm x 09cm x 06cm. 02 cục đá là công cụ bị cáo dùng để phạm tội.

Trả lại 01 máy cưa lốc hiệu STIHL có lam cưa dài 38cm (tính từ thân máy), rộng 7,5cm, không có sên cưa, vỏ máy màu cam, cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Phương T1.

Vật chứng được ghi cụ thể theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Phương T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.313.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, năm 2017 gia đình bị cáo Trần Phương T thuộc hộ nghèo và có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn 100% tiền án phí cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- Phòng PV 27;
- CA huyện Krông Bông;
- THA HS;
- Chi cục THA DS;
- Bị cáo;
- Đương sự ;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Văn Hồi